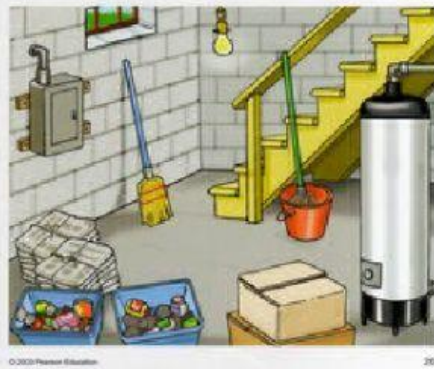


20 câu hỏi nhiều lựa chọn**1. tầng hầm**

- ☐ convenient
- ☐ carpet
- ☐ basement
- ☐ finish work

2. thức dậy

- ☐ get up
- ☐ carpet
- ☐ towel
- ☐ basement

3. tiện lợi

- ☐ finish work
- ☐ ceiling light
- ☐ convenient
- ☐ curtain

4. đánh răng



- ☐ brush my teeth
- ☐ ceiling light
- ☐ country house
- ☐ dining room

5. tủ ngăn kéo



- ☐ chest of drawers
- ☐ wardrobe

- ☐ refrigerator
- ☐ country house

6. tấm thảm



- ☐ carpet
- ☐ towel
- ☐ cupboard
- ☐ curtain

7. màn cửa



- ☐ convenient
- ☐ cupboard
- ☐ carpet
- ☐ curtain

8. tủ quần áo



- ☐ get home
- ☐ wardrobe
- ☐ go to bed
- ☐ basement

9. Đèn trần



- ☐ stilt house
- ☐ ceiling light
- ☐ dining room
- ☐ brush my teeth

10. không gian xanh



- ☐ get home

- ☐ green space
- ☐ town house
- ☐ laundry room

11. tan làm



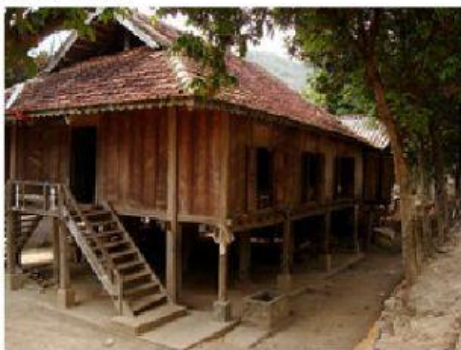
- ☐ finish work
- ☐ dinning room
- ☐ stilt house
- ☐ refrigerator

12. biệt thự



- ☐ towel
- ☐ hall
- ☐ carpet
- ☐ villa

13. nhà sàn



- ☐ town house
- ☐ finish work
- ☐ stilt house
- ☐ country house

14. phòng giặt ủi



- ☐ green space
- ☐ flat/apartment
- ☐ pantry
- ☐ laundry room

15. Nhà thành thị, nhà phố



- ☐ town house
- ☐ get home
- ☐ green space
- ☐ stilt house

16. về đến nhà



- ☐ go to bed
- ☐ get home
- ☐ get up
- ☐ wardrobe

17. đi tắm



- ☐ take a shower
- ☐ stilt house
- ☐ ceiling light
- ☐ accomodation

18. nhà nông thôn



- ☐ chest of drawers
- ☐ dinning room
- ☐ town house
- ☐ country house

19. lên giường



- ☐ get home
- ☐ brush my teeth
- ☐ microwave
- ☐ go to bed

20. căn hộ chung cư



- ☐ brush my teeth
- ☐ country house
- ☐ laundry room
- ☐ flat/apartment

[Xem đáp án](#)